TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2022/HS-ST Ngày 20 - 5 - 2022	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La.

2. Bà Kiều Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện TD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Hà Văn D, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988, tại: xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Bước và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị T và có 01 con; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HS-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện S đã áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". D chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2018. Chưa chấp hành án phí hình sự, dân sự; bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền 44.050.000đ.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 217/2006/HSST ngày 29/9/2006 của Tòa án nhân dân thành phố V áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 xử phạt 07 năm tù tội "Cướp tài sản" và 01 năm tù tội "trộm cắp tài sản", tổng hợp chung cả 2 tội là 08 năm tù. D đã chấp hành xong ngày 02/10/2012.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 10/01/2022. Hiện tạm giam tại

Nhà tạm giữ - Công an huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Bị hại:

- Anh Vũ Văn H, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990 (vợ anh H).

Đều cư trú tại: Thôn N1, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Văn B, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (Vợ ông B).

Đều cư trú tại: Thôn LT, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn D là người có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên đã thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Hà Văn D quen biết anh Trần Mạnh C là công nhân làm việc tại Công ty TNHH GaoJa ở Khu công nghiệp B II, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. D biết anh C thuê 01 phòng trọ của anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1981, ở thôn T1, xã TK, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng giữa tháng 9 năm 2021, D liên hệ và đến ở cùng phòng trọ với anh C. Quá trình ở chung, D biết anh C có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO - A5 2020 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, BKS 88D1-408.50. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 tài sản nêu trên của anh C để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 20 giờ ngày 20/9/2021, tại phòng trọ của anh C, D nói với anh C *"Cho anh mượn điện thoại với xe để về quê, hôm sau anh xuống"*. Do tin tưởng D nên anh C đồng ý và giao xe mô tô cùng điện thoại di động cho D. Sau khi nhận được xe mô tô và điện thoại của anh C, D không về nhà như đã nói với anh C mà điều khiển xe đi đến thành phố V1, tỉnh Vĩnh Phúc tìm kiếm người nhận cầm cố xe (giấy tờ xe anh C vẫn giữ). Sau khi tìm kiếm trên mạng xã hội, D liên hệ và cầm cố chiếc xe mô tô trên cho 01 thanh niên ở khu vực ga V1 được số tiền 3.000.000đ chi tiêu cá nhân. Ngày 21/9/2021, anh C không thấy D trả lại xe mô tô và điện thoại di động nên đã liên hệ với D qua ứng dụng Messenger nhiều lần nhưng D không trả lời. Vài ngày sau anh C điện cho D thì D nghe máy và nói đã cầm cố xe, không có tiền chuộc lại và hẹn anh C cuối tháng trả. Nhưng thực tế, D đã chi tiêu hết số tiền trên và không có khả năng chuộc lại xe mô tô. Hết tiền chi tiêu, D bán nốt chiếc điện thoại của anh C cho một người nam giới không quen biết được 600.000đ và chi tiêu cá nhân hết. Sau nhiều lần đòi lại xe mô tô và điện thoại không được, ngày 21/10/2021 anh C đã trình báo Công an huyện B và thông báo cho D biết. Ngày 29/10/2021, D về nhà gặp bố mẹ đẻ là ông Hà Văn B và bà Nguyễn Thị L trình bày

sự việc và xin ông bà được 3.000.000đ và vay thêm bạn bè được ít tiền nữa để đi chuộc xe. D đã liên hệ với thanh niên đã cho cầm cố xe và chuộc lại chiếc xe trên với số tiền 3.240.000đ về trả lại cho anh C.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 25/9/2021, D đi taxi đến nhà mẹ vợ của D ở thôn B2, xã H, huyện TD để tìm gặp vợ và con đang ở đây. Nhưng do có mâu thuẫn với vợ từ trước nên D không gặp được vợ và con của D. Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 26/9/2021, D đi bộ theo đường tỉnh lộ 309 hướng từ xã H về xã A, huyện TD. Khi đi đến khu vực ngã tư vòng xuyến xã A, D thấy lán sản xuất lăng mộ, chậu cây cảnh của vợ chồng anh Vũ Văn H, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990 ở thôn N1, xã A, huyện TD. Hà Văn D thấy lán mở cửa và đèn điện bên trong vẫn bật sáng, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong lán. Sau đó, Hà Văn D đi đến cửa lán thì nhìn thấy vợ chồng anh H, chị H1 đang nằm ngủ trên giường, ở cuối giường có 01 điện thoại di động của chị H1 đang sạc pin và 01 chiếc điện thoại di động khác của anh H. D đã lén lút, bí mật cúi thấp người đi đến cuối giường rồi rút sạc chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng đồng của chị H1. Sau đó D cầm chiếc điện thoại này cùng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen của anh H rồi nhanh chóng tẩu thoát. Khi D vừa đi được khoảng 2, 3 bước chân thì chị H1 tỉnh giấc và phát hiện ra D nên hô hoán. D bỏ chạy ra đường, anh H chạy đuổi theo nhưng không kịp. Quá trình bỏ chạy, D đã bỏ lại 01 đôi dép và làm rơi 01 chiếc điện thoại của chị H1 tại ven đường trước cửa lán. Sau khi chạy thoát, D đi bộ trên đường tỉnh lộ 309 về phía xã H. Khi đi đến gầm cầu cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc xã H, D gặp chốt kiểm dịch Covid-19 của lực lượng Công an xã H, thấy D có biểu hiện bất minh nên tổ công tác đã mời D về trụ sở để làm việc và thu giữ 01 điện thoại Samsung Galaxy A11, màu đen; 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 110.000đ, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ công nhân đều mang tên Hà Văn D. Tại cơ quan Công an, D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân như nêu trên. Trong thời gian Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD giải quyết nguồn tin về tội phạm, D đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã bị can đối với Hà Văn D theo quy định của pháp luật. Ngày 10/01/2022, Hà Văn D bị bắt theo Quyết định truy nã bị can số 01 ngày 09/01/2022 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện TD.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 139/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, BKS 88D1-408.50 là: 14.766.000đ.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A5-2020 mà D đã chiếm đoạt. Hội đồng định giá có văn bản số 02/HC-HĐĐG đề nghị cơ quan Công an huyện B bổ sung tài liệu để phục vụ định giá tài sản do không thu giữ được. Sau khi Cơ quan điều tra thu thập tài liệu theo đề nghị, ngày 05/02/2022 Hội đồng định giá có văn bản số 07/HC-HĐĐG về việc từ chối định giá do không có cơ sở để tiến hành định giá tài sản theo căn cứ tại mục c điểm 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 18/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện TD kết luận: Tổng giá trị của chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng đồng và điện thoại Samsung Galaxy A11, màu đen là: 2.830.000đ.

Quá trình điều tra Hà Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSDT ngày 05 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo Hà Văn D về tội *Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 1 năm đến 1 năm 03 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" và xử phạt bị cáo D từ 1 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai tội là 02 năm đến 02 năm 06 tháng thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2022. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Bị hại anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Mạnh C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B và bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên qúa trình điều tra các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa liên quan trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các ông, bà không có ý kiến gì khác và đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Thứ nhất: Ngày 20/9/2021, lợi dụng vào sự quen biết và cả tin của anh Trần Mạnh C, D đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật nằm chiếm đoạt tài sản, theo đó D nói với anh C là mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO - A5 2020 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, BKS 88D1 - 408.50 để làm phương tiện đi về nhà. Mượn được xe D

không đi về nhà như đã nói với anh C mà mang xe mô tô đến thành phố V1 cầm cố lấy 3.000.000đ và sau đó bán điện thoại di động cho những người không quen biết được số tiền 600.000đ rồi chi tiêu cá nhân hết và không có tiền chuộc lại (Giá trị chiếc xe máy D cầm cố có giá trị 14.766.000đ). Anh C đã liên lạc cho D nhiều lần để đòi xe và điện thoại nhưng không được nên ngày 21/10/2021 anh C đã trình báo Công an huyện B và thông báo cho D biết. Ngày 29/10/2021 D về nhà gặp bố mẹ đẻ là ông Hà Văn B và bà Nguyễn Thị L trình bày sự việc và xin ông bà được 3.000.000đ và vay thêm bạn bè chuộc lại chiếc xe trên với số tiền 3.240.000đ về trả lại cho anh C.

Thứ hai: Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 26/9/2021, D đang đi bộ theo đường tỉnh lộ 309 hướng từ xã H về xã A, huyện TD. Khi đi đến khu vực ngã tư vòng xuyến xã A, D thấy lán sản xuất lăng mộ, chậu cây cảnh của vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị H1 mở cửa và đèn điện vẫn bật sáng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong lán. D quan sát thấy vợ chồng anh H, chị H1 đang nằm ngủ trên giường, ở cuối giường có 01 điện thoại của chị H1 đang sạc pin và 01 chiếc điện thoại khác của anh H. D đã lén lút, bí mật trộm cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng đồng của chị H1 và chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen của anh H có tổng trị giá là 2.830.000đ thì bị chị H1 phát hiện và hô hoán. Hà Văn D bỏ chạy ra đường, anh H chạy đuổi theo nhưng không kịp. Quá trình bỏ chạy, D đã bỏ lại đôi dép và làm rơi 01 chiếc điện thoại của chị H1 tại ven đường trước cửa lán. Sau đó D bị Công an xã H mời về trụ sở làm việc và đã thu giữ điện thoại cùng một số đồ vật tài sản khác như đã nêu ở trên.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo D đã phạm tội *Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4]. Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đối với cả hai hành vi Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); ngoài ra bị cáo D đã tự nguyện khắc phục hậu

quả chuộc lại chiếc xe máy trả lại cho anh C nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân rất xấu, có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, ngoài ra năm 2006 đã bị xét xử về tội "Cướp tài sản" và tội "trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học tiếp tục có các hành vi vi phạm pháp luật và phạm nhiều tội. Từ phân tích trên thấy rằng bị cáo là đối tượng không biết ăn năn hối cải, khó giáo dục, cải tạo. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tại Trại giam mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa riêng và giáo dục chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D là đối tượng không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A11. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị H nên cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại trên cho anh H, chị H1. Nhận lại tài sản anh H, chị H1 không có ý kiến gì nên không xét.

- Đối với số tiền 110.000đ thu giữ của D không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho D, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 ví giả da màu nâu, 01 thẻ bảo hiểm y tế (đã hết thời hạn) và 01 thẻ công nhân mang tên Hà Văn D không còn giá trị sử dụng, D không đề nghị nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Mạnh C sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu, đề nghị D phải bồi thường tài sản gì; Ông Hà Văn Bc và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu, đề nghị D phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000đ đã cho D để khắc phục hậu quả; Anh C không yêu cầu D phải bồi thường chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO - A5 2020 nên về dân sự không đặt ra xem xét.

[9]. Đối với 01 người nam giới nhận cầm cố xe mô tô BKS: 88D1 - 408.50, 01 nam giới mua lại chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Oppo A5 – 2020, do D không biết tên, địa chỉ và không nhớ số điện thoại của những người này nên Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được, vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt của hai tội là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 10/01/2022.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại Hà Văn D số tiền 110.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 ví giả da màu nâu, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ công nhân mang tên Hà Văn D không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD lập ngày 13 tháng 4 năm 2022.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hà Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- CA huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng